

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP  
HATECO - IPEI**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP HATECO - IPEI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HATECO - IPEI LOGISTICS AND GENERAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HATECO - IPEI., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108873313

**3. Ngày thành lập:** 22/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1 đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.259.5272

Fax: 0243.259.5272

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                          | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                    | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649     |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690     |
| 8.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719     |
| 9.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721     |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722     |
| 11. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723     |
| 12. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751     |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753     |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 15. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771     |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773     |

|     |                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                   | 4782        |
| 18. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                         | 4783        |
| 19. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4784        |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                 | 4789        |
| 21. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                 | 4912        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                             | 4933        |
| 23. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                    | 5012        |
| 24. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                        | 5022        |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                | 5210        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                   | 5221        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                  | 5222        |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                           | 5224        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                    | 5225        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                        | 5229        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm, dệt, may mặc | 8299(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN KỲ     | Tổ 44, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 460.000    | 4.600.000.000         | 46,000    | 034064006666                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 460.000    | 4.600.000.000         | 46,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG ĐÌNH TUẤN | Xóm 1, Thị trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     | C2217631                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                    |                           |         |               |        |              |
|---|--------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN THỊ THU TRANG | Tổ 18, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 490.000 | 4.900.000.000 | 49,000 | 040191000901 |
|   |                    |                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                    | Tổng số                   | 490.000 | 4.900.000.000 | 49,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG ĐÌNH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 29/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C2217631

Ngày cấp: 31/08/2016

Nơi cấp: Cục quản lý Xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, Thị trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 1, Thị trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội